

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/01/2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Lý**

Bà **Võ Thị Bồi**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 509/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2021 về việc “**Ly hôn**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2022 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Nguyệt N** - Sinh năm 1978

Địa chỉ: 6/5 đường H, phường H, thành phố T. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm 1972

Địa chỉ: 6/5 đường H, phường H, thành phố T. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Lê Thị Nguyệt N trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/5/2021:* Tôi và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc gây nợ nần rất nhiều. Tôi đã nhiều lần tha thứ cho anh Đ nhưng anh vẫn không thay đổi, ngày càng tệ hơn. Vì vậy, tôi xin ly hôn với anh Đ.

Tôi và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai H sinh ngày 06/01/2002. Con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ cố tình tránh né, không đến Toà án để giải quyết việc ly hôn nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được hai bên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về tài sản chung, không xem xét do đương sự không yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về thủ tục tố tụng:

- Việc bà Lê Thị Nguyệt N khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ, xét yêu cầu khởi kiện của bà N là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng ông Đ cố tình không đến, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ lại vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Nguyệt N.

\* Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Nguyệt N và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường H – thành phố T – tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 26/8/1998. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo giấy đăng ký kết hôn số 102 ngày 26/8/1998 thì bà Lê Thị Nguyệt N sinh năm 1979 nhưng tại sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân thì bà Lê Thị Nguyệt N sinh năm 1978. Bà N trình bày sở dĩ như vậy là do trước đây bà làm sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân thì có sự nhầm lẫn ghi bà sinh năm 1979 nên khi bà làm thủ tục đăng ký kết hôn thì trong giấy đăng ký kết hôn cũng thể hiện bà sinh năm 1979. Sau đó bà đã làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu đúng với năm sinh của bà là 1978, còn giấy đăng ký kết hôn thì bà vẫn chưa điều chỉnh nên vẫn thể hiện bà sinh năm 1979. Bà đã làm đơn yêu cầu Công an xác nhận bà thực tế sinh năm 1978. Do đó, có sở chấp nhận bà Lê Thị Nguyệt N thực tế sinh năm 1978.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà N và ông Đ không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

- Về con chung: Bà Lê Thị Nguyệt N và ông Nguyễn Văn Đ có một con chung là Nguyễn Thị Mai H sinh ngày 06/01/2002. Con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Lê Thị Nguyệt N phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Nguyệt N được ly hôn ông Nguyễn Văn Đương.

2/ Về con chung: con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị Nguyệt N phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000151 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, bà Lê Thị Nguyệt N đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
  - Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
  - Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
  - UBND phường H-Tp. T-tỉnh H
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01/1998);
- Đương sự;
  - Lưu hồ sơ.

**Đào Dương Thị Phương Dung**